

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**(6 tháng đầu năm 2026)**

**Kính gửi:** - Ủy Ban chứng khoán nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên công ty đại chúng: **Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 145 phố Hồ Đắc Di, phường Kim Liên, Tp. Hà Nội
- Điện thoại: 024.38572764 - Fax: 024. 38572751
- Email: chungkhoan@pscl.com
- Vốn điều lệ: 100.001.060.000 đồng
- Mã chứng khoán (nếu có): BT1
- Mô hình quản trị Công ty:
- + Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc
- Về thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

| STT | Số<br>NQ/QĐ | Ngày      | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----|-------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  |             | 28/4/2026 | <p>1. Nội dung 1: Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 theo tờ trình số 01/BVTV.1-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2026;</p> <p>2. Nội dung 2: Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 được kiểm toán; phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2025 và phương án tài chính năm 2026 theo tờ trình số 02/BVTV.1-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2026.</p> <p>2.1. Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương được Công ty TNHH Hăng</p> |

| STT   | Số<br>NQ/QĐ                                                                        | Ngày            | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |       |          |               |   |                                                                  |               |    |                              |  |   |                               |               |   |                                     |               |   |                                  |               |     |                                                                                    |               |   |                                   |             |   |                                      |             |   |                           |   |    |                                              |               |   |                                                |               |       |          |               |   |                                        |                 |    |                    |  |   |                                    |                |   |                                     |               |   |                                  |                |     |                                 |                |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|----------|---------------|---|------------------------------------------------------------------|---------------|----|------------------------------|--|---|-------------------------------|---------------|---|-------------------------------------|---------------|---|----------------------------------|---------------|-----|------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---|-----------------------------------|-------------|---|--------------------------------------|-------------|---|---------------------------|---|----|----------------------------------------------|---------------|---|------------------------------------------------|---------------|-------|----------|---------------|---|----------------------------------------|-----------------|----|--------------------|--|---|------------------------------------|----------------|---|-------------------------------------|---------------|---|----------------------------------|----------------|-----|---------------------------------|----------------|
|       |                                                                                    |                 | <p>Kiểm toán – AASC kiểm toán, theo báo cáo số: 270326.002/BCTC.KT3, ngày 27 tháng 3 năm 2026.</p> <p>2.2. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2025:</p> <p>2.2. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2025:</p> <table><tr><th>Số TT</th><th>Chỉ tiêu</th><th>Giá trị (VNĐ)</th></tr><tr><td>I</td><td>Lợi nhuận sau thuế các năm trước để lại tại thời điểm 31/12/2025</td><td>4.426.454.525</td></tr><tr><td>II</td><td>Lợi nhuận thực hiện năm 2025</td><td></td></tr><tr><td>1</td><td>Lợi nhuận trước thuế năm 2025</td><td>7.174.238.960</td></tr><tr><td>2</td><td>Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025</td><td>1.532.422.924</td></tr><tr><td>3</td><td>Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025</td><td>5.641.816.036</td></tr><tr><td>III</td><td>Lợi nhuận năm 2025 còn lại để phân phối, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2025</td><td>5.637.344.036</td></tr><tr><td>1</td><td>Trích quỹ đầu tư phát triển (10%)</td><td>563.734.404</td></tr><tr><td>2</td><td>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5%)</td><td>281.867.202</td></tr><tr><td>3</td><td>Tỷ lệ cổ tức năm 2025: 0%</td><td>0</td></tr><tr><td>IV</td><td>Lợi nhuận 2025 còn lại sau trích lập các quỹ</td><td>4.791.742.430</td></tr><tr><td>V</td><td>Lợi nhuận sau thuế còn dự chuyển sang năm 2026</td><td>9.218.196.955</td></tr></table> <p>3. Kế hoạch tài chính, kinh doanh năm 2026</p> <table><tr><th>Số TT</th><th>Chỉ tiêu</th><th>Giá trị (VNĐ)</th></tr><tr><td>I</td><td>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</td><td>355.000.000.000</td></tr><tr><td>II</td><td>Lợi nhuận năm 2026</td><td></td></tr><tr><td>1</td><td>Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2026</td><td>15.994.877.514</td></tr><tr><td>2</td><td>Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2026</td><td>3.198.975.503</td></tr><tr><td>3</td><td>Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2026</td><td>12.795.902.011</td></tr><tr><td>III</td><td>Lợi nhuận còn lại để phân phối,</td><td>12.795.902.011</td></tr></table> | Số TT | Chỉ tiêu | Giá trị (VNĐ) | I | Lợi nhuận sau thuế các năm trước để lại tại thời điểm 31/12/2025 | 4.426.454.525 | II | Lợi nhuận thực hiện năm 2025 |  | 1 | Lợi nhuận trước thuế năm 2025 | 7.174.238.960 | 2 | Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 | 1.532.422.924 | 3 | Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 | 5.641.816.036 | III | Lợi nhuận năm 2025 còn lại để phân phối, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2025 | 5.637.344.036 | 1 | Trích quỹ đầu tư phát triển (10%) | 563.734.404 | 2 | Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5%) | 281.867.202 | 3 | Tỷ lệ cổ tức năm 2025: 0% | 0 | IV | Lợi nhuận 2025 còn lại sau trích lập các quỹ | 4.791.742.430 | V | Lợi nhuận sau thuế còn dự chuyển sang năm 2026 | 9.218.196.955 | Số TT | Chỉ tiêu | Giá trị (VNĐ) | I | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 355.000.000.000 | II | Lợi nhuận năm 2026 |  | 1 | Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2026 | 15.994.877.514 | 2 | Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2026 | 3.198.975.503 | 3 | Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2026 | 12.795.902.011 | III | Lợi nhuận còn lại để phân phối, | 12.795.902.011 |
| Số TT | Chỉ tiêu                                                                           | Giá trị (VNĐ)   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |       |          |               |   |                                                                  |               |    |                              |  |   |                               |               |   |                                     |               |   |                                  |               |     |                                                                                    |               |   |                                   |             |   |                                      |             |   |                           |   |    |                                              |               |   |                                                |               |       |          |               |   |                                        |                 |    |                    |  |   |                                    |                |   |                                     |               |   |                                  |                |     |                                 |                |
| I     | Lợi nhuận sau thuế các năm trước để lại tại thời điểm 31/12/2025                   | 4.426.454.525   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |       |          |               |   |                                                                  |               |    |                              |  |   |                               |               |   |                                     |               |   |                                  |               |     |                                                                                    |               |   |                                   |             |   |                                      |             |   |                           |   |    |                                              |               |   |                                                |               |       |          |               |   |                                        |                 |    |                    |  |   |                                    |                |   |                                     |               |   |                                  |                |     |                                 |                |
| II    | Lợi nhuận thực hiện năm 2025                                                       |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |       |          |               |   |                                                                  |               |    |                              |  |   |                               |               |   |                                     |               |   |                                  |               |     |                                                                                    |               |   |                                   |             |   |                                      |             |   |                           |   |    |                                              |               |   |                                                |               |       |          |               |   |                                        |                 |    |                    |  |   |                                    |                |   |                                     |               |   |                                  |                |     |                                 |                |
| 1     | Lợi nhuận trước thuế năm 2025                                                      | 7.174.238.960   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |       |          |               |   |                                                                  |               |    |                              |  |   |                               |               |   |                                     |               |   |                                  |               |     |                                                                                    |               |   |                                   |             |   |                                      |             |   |                           |   |    |                                              |               |   |                                                |               |       |          |               |   |                                        |                 |    |                    |  |   |                                    |                |   |                                     |               |   |                                  |                |     |                                 |                |
| 2     | Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025                                                | 1.532.422.924   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |       |          |               |   |                                                                  |               |    |                              |  |   |                               |               |   |                                     |               |   |                                  |               |     |                                                                                    |               |   |                                   |             |   |                                      |             |   |                           |   |    |                                              |               |   |                                                |               |       |          |               |   |                                        |                 |    |                    |  |   |                                    |                |   |                                     |               |   |                                  |                |     |                                 |                |
| 3     | Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025                                                   | 5.641.816.036   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |       |          |               |   |                                                                  |               |    |                              |  |   |                               |               |   |                                     |               |   |                                  |               |     |                                                                                    |               |   |                                   |             |   |                                      |             |   |                           |   |    |                                              |               |   |                                                |               |       |          |               |   |                                        |                 |    |                    |  |   |                                    |                |   |                                     |               |   |                                  |                |     |                                 |                |
| III   | Lợi nhuận năm 2025 còn lại để phân phối, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2025 | 5.637.344.036   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |       |          |               |   |                                                                  |               |    |                              |  |   |                               |               |   |                                     |               |   |                                  |               |     |                                                                                    |               |   |                                   |             |   |                                      |             |   |                           |   |    |                                              |               |   |                                                |               |       |          |               |   |                                        |                 |    |                    |  |   |                                    |                |   |                                     |               |   |                                  |                |     |                                 |                |
| 1     | Trích quỹ đầu tư phát triển (10%)                                                  | 563.734.404     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |       |          |               |   |                                                                  |               |    |                              |  |   |                               |               |   |                                     |               |   |                                  |               |     |                                                                                    |               |   |                                   |             |   |                                      |             |   |                           |   |    |                                              |               |   |                                                |               |       |          |               |   |                                        |                 |    |                    |  |   |                                    |                |   |                                     |               |   |                                  |                |     |                                 |                |
| 2     | Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5%)                                               | 281.867.202     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |       |          |               |   |                                                                  |               |    |                              |  |   |                               |               |   |                                     |               |   |                                  |               |     |                                                                                    |               |   |                                   |             |   |                                      |             |   |                           |   |    |                                              |               |   |                                                |               |       |          |               |   |                                        |                 |    |                    |  |   |                                    |                |   |                                     |               |   |                                  |                |     |                                 |                |
| 3     | Tỷ lệ cổ tức năm 2025: 0%                                                          | 0               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |       |          |               |   |                                                                  |               |    |                              |  |   |                               |               |   |                                     |               |   |                                  |               |     |                                                                                    |               |   |                                   |             |   |                                      |             |   |                           |   |    |                                              |               |   |                                                |               |       |          |               |   |                                        |                 |    |                    |  |   |                                    |                |   |                                     |               |   |                                  |                |     |                                 |                |
| IV    | Lợi nhuận 2025 còn lại sau trích lập các quỹ                                       | 4.791.742.430   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |       |          |               |   |                                                                  |               |    |                              |  |   |                               |               |   |                                     |               |   |                                  |               |     |                                                                                    |               |   |                                   |             |   |                                      |             |   |                           |   |    |                                              |               |   |                                                |               |       |          |               |   |                                        |                 |    |                    |  |   |                                    |                |   |                                     |               |   |                                  |                |     |                                 |                |
| V     | Lợi nhuận sau thuế còn dự chuyển sang năm 2026                                     | 9.218.196.955   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |       |          |               |   |                                                                  |               |    |                              |  |   |                               |               |   |                                     |               |   |                                  |               |     |                                                                                    |               |   |                                   |             |   |                                      |             |   |                           |   |    |                                              |               |   |                                                |               |       |          |               |   |                                        |                 |    |                    |  |   |                                    |                |   |                                     |               |   |                                  |                |     |                                 |                |
| Số TT | Chỉ tiêu                                                                           | Giá trị (VNĐ)   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |       |          |               |   |                                                                  |               |    |                              |  |   |                               |               |   |                                     |               |   |                                  |               |     |                                                                                    |               |   |                                   |             |   |                                      |             |   |                           |   |    |                                              |               |   |                                                |               |       |          |               |   |                                        |                 |    |                    |  |   |                                    |                |   |                                     |               |   |                                  |                |     |                                 |                |
| I     | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                                             | 355.000.000.000 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |       |          |               |   |                                                                  |               |    |                              |  |   |                               |               |   |                                     |               |   |                                  |               |     |                                                                                    |               |   |                                   |             |   |                                      |             |   |                           |   |    |                                              |               |   |                                                |               |       |          |               |   |                                        |                 |    |                    |  |   |                                    |                |   |                                     |               |   |                                  |                |     |                                 |                |
| II    | Lợi nhuận năm 2026                                                                 |                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |       |          |               |   |                                                                  |               |    |                              |  |   |                               |               |   |                                     |               |   |                                  |               |     |                                                                                    |               |   |                                   |             |   |                                      |             |   |                           |   |    |                                              |               |   |                                                |               |       |          |               |   |                                        |                 |    |                    |  |   |                                    |                |   |                                     |               |   |                                  |                |     |                                 |                |
| 1     | Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2026                                                 | 15.994.877.514  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |       |          |               |   |                                                                  |               |    |                              |  |   |                               |               |   |                                     |               |   |                                  |               |     |                                                                                    |               |   |                                   |             |   |                                      |             |   |                           |   |    |                                              |               |   |                                                |               |       |          |               |   |                                        |                 |    |                    |  |   |                                    |                |   |                                     |               |   |                                  |                |     |                                 |                |
| 2     | Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2026                                                | 3.198.975.503   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |       |          |               |   |                                                                  |               |    |                              |  |   |                               |               |   |                                     |               |   |                                  |               |     |                                                                                    |               |   |                                   |             |   |                                      |             |   |                           |   |    |                                              |               |   |                                                |               |       |          |               |   |                                        |                 |    |                    |  |   |                                    |                |   |                                     |               |   |                                  |                |     |                                 |                |
| 3     | Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2026                                                   | 12.795.902.011  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |       |          |               |   |                                                                  |               |    |                              |  |   |                               |               |   |                                     |               |   |                                  |               |     |                                                                                    |               |   |                                   |             |   |                                      |             |   |                           |   |    |                                              |               |   |                                                |               |       |          |               |   |                                        |                 |    |                    |  |   |                                    |                |   |                                     |               |   |                                  |                |     |                                 |                |
| III   | Lợi nhuận còn lại để phân phối,                                                    | 12.795.902.011  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |       |          |               |   |                                                                  |               |    |                              |  |   |                               |               |   |                                     |               |   |                                  |               |     |                                                                                    |               |   |                                   |             |   |                                      |             |   |                           |   |    |                                              |               |   |                                                |               |       |          |               |   |                                        |                 |    |                    |  |   |                                    |                |   |                                     |               |   |                                  |                |     |                                 |                |

| STT | Số<br>NQ/QĐ                                                                        | Ngày           | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |                                  |  |  |                             |               |  |                      |             |  |                                                               |                |    |                                                 |               |   |                                          |                |  |                                                                                    |               |    |                                                          |                |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----------------------------------|--|--|-----------------------------|---------------|--|----------------------|-------------|--|---------------------------------------------------------------|----------------|----|-------------------------------------------------|---------------|---|------------------------------------------|----------------|--|------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----|----------------------------------------------------------|----------------|
|     |                                                                                    |                | <table><tr><td></td><td>trích lập các quỹ và chia cổ tức</td><td></td></tr><tr><td></td><td>Quỹ đầu tư phát triển (10%)</td><td>1.279.590.201</td></tr><tr><td></td><td>Quỹ khen thưởng (5%)</td><td>639.795.101</td></tr><tr><td></td><td>Lợi nhuận còn lại năm 2026 sau khi đã trích lập các quỹ (85%)</td><td>10.876.516.709</td></tr><tr><td>IV</td><td>Lợi nhuận còn lại năm 2025 chuyển sang năm 2026</td><td>9.218.196.955</td></tr><tr><td>V</td><td>Lợi nhuận còn lại đến năm 2026 (dự kiến)</td><td>20.094.713.664</td></tr><tr><td></td><td>Tỷ lệ cổ tức năm 2026: 8% (chi trả cổ tức bằng tiền) tương đương 800 đồng/cổ phiếu</td><td>8.000.084.800</td></tr><tr><td>VI</td><td>Lợi nhuận sau thuế còn dư chuyển sang năm 2027 (dự kiến)</td><td>12.094.628.864</td></tr></table>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |  | trích lập các quỹ và chia cổ tức |  |  | Quỹ đầu tư phát triển (10%) | 1.279.590.201 |  | Quỹ khen thưởng (5%) | 639.795.101 |  | Lợi nhuận còn lại năm 2026 sau khi đã trích lập các quỹ (85%) | 10.876.516.709 | IV | Lợi nhuận còn lại năm 2025 chuyển sang năm 2026 | 9.218.196.955 | V | Lợi nhuận còn lại đến năm 2026 (dự kiến) | 20.094.713.664 |  | Tỷ lệ cổ tức năm 2026: 8% (chi trả cổ tức bằng tiền) tương đương 800 đồng/cổ phiếu | 8.000.084.800 | VI | Lợi nhuận sau thuế còn dư chuyển sang năm 2027 (dự kiến) | 12.094.628.864 |
|     | trích lập các quỹ và chia cổ tức                                                   |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |                                  |  |  |                             |               |  |                      |             |  |                                                               |                |    |                                                 |               |   |                                          |                |  |                                                                                    |               |    |                                                          |                |
|     | Quỹ đầu tư phát triển (10%)                                                        | 1.279.590.201  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |                                  |  |  |                             |               |  |                      |             |  |                                                               |                |    |                                                 |               |   |                                          |                |  |                                                                                    |               |    |                                                          |                |
|     | Quỹ khen thưởng (5%)                                                               | 639.795.101    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |                                  |  |  |                             |               |  |                      |             |  |                                                               |                |    |                                                 |               |   |                                          |                |  |                                                                                    |               |    |                                                          |                |
|     | Lợi nhuận còn lại năm 2026 sau khi đã trích lập các quỹ (85%)                      | 10.876.516.709 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |                                  |  |  |                             |               |  |                      |             |  |                                                               |                |    |                                                 |               |   |                                          |                |  |                                                                                    |               |    |                                                          |                |
| IV  | Lợi nhuận còn lại năm 2025 chuyển sang năm 2026                                    | 9.218.196.955  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |                                  |  |  |                             |               |  |                      |             |  |                                                               |                |    |                                                 |               |   |                                          |                |  |                                                                                    |               |    |                                                          |                |
| V   | Lợi nhuận còn lại đến năm 2026 (dự kiến)                                           | 20.094.713.664 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |                                  |  |  |                             |               |  |                      |             |  |                                                               |                |    |                                                 |               |   |                                          |                |  |                                                                                    |               |    |                                                          |                |
|     | Tỷ lệ cổ tức năm 2026: 8% (chi trả cổ tức bằng tiền) tương đương 800 đồng/cổ phiếu | 8.000.084.800  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |                                  |  |  |                             |               |  |                      |             |  |                                                               |                |    |                                                 |               |   |                                          |                |  |                                                                                    |               |    |                                                          |                |
| VI  | Lợi nhuận sau thuế còn dư chuyển sang năm 2027 (dự kiến)                           | 12.094.628.864 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |                                  |  |  |                             |               |  |                      |             |  |                                                               |                |    |                                                 |               |   |                                          |                |  |                                                                                    |               |    |                                                          |                |
|     |                                                                                    |                | <p>3. Nội dung 3: Phương án chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2025 và dự kiến tổng mức thù lao cho HĐQT và BKS năm 2026 theo tờ trình số 03/BVTV.1-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2026;</p> <p>4. Nội dung 4: Thông qua báo cáo của HĐQT năm 2025 theo tờ trình số 04/BVTV.1-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2026;</p> <p>5. Nội dung 5: Thông qua báo cáo của BKS năm 2025 theo tờ trình số 05/BVTV.1-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2026;</p> <p>6. Nội dung 6: Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động HĐQT và BKS nhiệm kỳ IV (2021-2026), định hướng nhiệm kỳ V (2026-2031) theo tờ trình số 06/BVTV.1-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2026;</p> <p>7. Nội dung 7: Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC để kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2026 theo tờ trình số 07/BVTV.1-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2026;</p> <p>8. Nội dung 8: Thông qua kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo tờ trình số 08/BVTV.1-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2026;</p> <p>9. Nội dung 9: Thông qua Báo cáo về việc thay đổi mục đích sử dụng vốn theo nghị quyết số 09/BVTV.1-HĐQT ngày 25/8/2025 của Hội đồng quản trị theo tờ trình 09/BVTV.1-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2026</p> <p>10. Nội dung 10: Thông qua Báo cáo kiểm toán về sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo tờ trình số 10/BVTV.1-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2026</p> |  |                                  |  |  |                             |               |  |                      |             |  |                                                               |                |    |                                                 |               |   |                                          |                |  |                                                                                    |               |    |                                                          |                |

| STT | Số<br>NQ/QĐ | Ngày | Nội dung                                                                                                                                                                                         |
|-----|-------------|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |             |      | <p>11. Nội dung 11: Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty theo tờ trình số 09/BVTV.1-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2026</p> <p>12. Nội dung 12: Thông qua kết quả bầu HĐQT và BKS nhiệm kỳ V (2026-2031).</p> |

## II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT):

| STT | Thành viên<br>HĐQT     | Chức vụ (thành<br>viên HĐQT độc<br>lập, TVHĐQT<br>không điều hành) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên<br>HĐQT/ HĐQT độc lập |                 |
|-----|------------------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------|
|     |                        |                                                                    | Ngày bổ nhiệm                                              | Ngày miễn nhiệm |
| 1.  | Đặng Văn<br>Thông      | Chủ tịch HĐQT                                                      | 08/5/2026                                                  |                 |
| 2.  | Phan Văn<br>Tùng       | Phó Chủ tịch<br>HĐQT, Tổng<br>giám đốc                             | 08/5/2026                                                  |                 |
| 3.  | Nguyễn Đức<br>Dũng     | Thành viên<br>HĐQT                                                 | 28/04/2026                                                 |                 |
| 4.  | Lê Thanh<br>Thảo       | Thành viên<br>HĐQT, Phó Tổng<br>giám đốc                           | 28/4/2026                                                  |                 |
| 5.  | Nguyễn Thị<br>Kim Xuân | Thành viên<br>HĐQT                                                 | 28/04/2026                                                 |                 |
| 6.  | Đỗ Đức Cơ              | Phó Chủ tịch<br>HĐQT                                               |                                                            | 28/04/2026      |
| 7.  | Vũ Thiện<br>Giáo       | Thành viên<br>HĐQT                                                 |                                                            | 28/04/2026      |

### 2. Các cuộc họp HĐQT:

| STT | Thành viên<br>HĐQT | Số buổi họp<br>HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham<br>dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|--------------------|-----------------------------|----------------------|-------------------------|
| 1.  | Đặng Văn<br>Thông  | 8/8                         | 100%                 |                         |
| 2.  | Phan Văn<br>Tùng   | 8/8                         | 100%                 |                         |
| 3.  | Nguyễn Đức<br>Dũng | 4/8                         | 50%                  | Bổ nhiệm ngày 28/4/2026 |
| 4.  | Lê Thanh<br>Thảo   | 8/8                         | 100%                 |                         |

|    |                     |     |     |                           |
|----|---------------------|-----|-----|---------------------------|
| 5. | Nguyễn Thị Kim Xuân | 4/8 | 50% | Bổ nhiệm ngày 28/4/2026   |
| 6. | Đỗ Đức Cơ           | 4/8 | 50% | Miễn nhiệm ngày 28/4/2026 |
| 7. | Vũ Thiện Giáo       | 4/8 | 50% | Miễn nhiệm ngày 28/4/2026 |

### 3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

Căn cứ Điều lệ, quy chế, nghị quyết của các lần họp, Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành hoạt động của Công ty, cụ thể:

- Chỉ đạo Tổng Giám đốc lập kế hoạch kinh doanh 2026 để HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2026.

- Chỉ đạo triển khai và giám sát việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên 2026.

- Giám sát việc lập các Báo cáo tài chính năm, quý.

- Giám sát việc lập các báo cáo định kỳ như: Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình quản trị.

Giám sát việc thi hành Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết HĐQT và quyết định của Chủ tịch HĐQT phù hợp với phạm vi, quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty.

- Giám sát việc thực hiện tăng vốn điều lệ của Công ty. Giám sát tình hình kinh doanh hoạt động của các công ty và các đơn vị trực thuộc.

### 4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có): không có

### 5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị 6 tháng đầu năm 2026:

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày                      | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1   | 09/01/2026                | Số 01/BVT.V.1 -HĐQT/NK IV | <p><b>Điều 1:</b> Thông qua kết quả thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng cho cổ đông hiện hữu từ ngày 24/11/2025 đến hết ngày 25/12/2025, cụ thể như sau:</p> <p>1. Tên cổ phiếu: <b>Cổ phiếu Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.</b></p> <p>2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.</p> <p>3. Mã cổ phiếu: BT1</p> <p>4. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.</p> <p>5. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.</p> <p>6. Thời gian nhận tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 24/11/2025 đến hết ngày 25/12/2025.</p> <p>7. Số lượng chào bán dự kiến: 4.330.147 cổ phiếu.</p> | 100%            |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     |                           |      | <p>8. Kết quả thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu:</p> <p>Số lượng cổ phiếu cổ đông hiện hữu đã thực hiện quyền mua: 4.072.003 cổ phiếu, chiếm 94,04% tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng cổ phiếu đã lưu ký: 4.042.678 cổ phiếu;</li> <li>- Số lượng cổ phiếu chưa lưu ký: 29.325 cổ phiếu.</li> </ul> <p><b>Điều 2:</b> Thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu:</p> <p>Hội đồng quản trị Công ty thông qua việc tiếp tục phân phối lại số cổ phiếu lẻ và cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua trong đợt chào bán cho những đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu, phiếu cho cổ đông hiện hữu, chi tiết như sau:</p> <p>1. Số lượng cổ phiếu cổ phiếu lẻ và cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (từ ngày 24/11/2025 đến hết ngày 25/12/2025): <b>258.144 cổ phiếu.</b></p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn: 136 cổ phiếu;</li> <li>+ Số lượng cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua: 258.008 cổ phiếu.</li> </ul> <p>2. Số lượng cổ phiếu được tiếp tục phân phối: <b>258.144 cổ phiếu.</b></p> <p>3. Điều kiện phân phối:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu.</li> <li>- Đối tượng: Các nhà đầu tư trong nước có đủ năng lực tài chính để thực hiện nộp tiền mua cổ phiếu đúng thời hạn, đảm bảo tiến độ của đợt chào bán theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 408/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27/10/2025.</li> </ul> <p>Hội đồng quản trị thống nhất ưu tiên phân phối cho</p> |                 |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     |                           |      | <p>các trường hợp cụ thể sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người lao động hiện đang làm việc tại Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.</li> <li>+ Người lao động của Công ty chưa sở hữu cổ phần của Công ty.</li> <li>+ Người lao động đang giữ chức vụ quản lý tại các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công ty.</li> </ul> <p>- Số cổ phiếu nêu tại Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này chỉ được phân phối tiếp cho đối tượng các nhà đầu tư trong nước để đảm bảo không làm tăng tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty.</p> <p>- Số cổ phiếu nêu tại Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này chỉ được phân phối lại cho các đối tượng khác phải đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Không được chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu được quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán;</li> <li>+ Không được chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan từ 10% vốn điều lệ trở lên của tổ chức phát hành trong một đợt chào bán hoặc trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất.</li> </ul> <p>4. Thời gian nộp tiền mua cổ phiếu: Từ ngày 13/01/2026 đến 16 giờ 00 phút ngày 15/01/2026.</p> <p>5. Thủ tục thực hiện mua cổ phiếu:</p> <p>Nhà đầu tư có tên trong Danh sách nhà đầu tư được phân phối cổ phiếu nêu trên nộp tiền mua cổ phiếu vào tài khoản phong tỏa để nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tài khoản số: 1057953862</li> <li>- Tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội.</li> <li>- Chủ tài khoản: Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương.</li> </ul> <p>Sau thời điểm 16 giờ 00 phút ngày 15/01/2026, số lượng cổ phiếu không chào bán hết (bao gồm cổ phiếu HDQT không tìm được đối tượng nhà đầu tư mua/các đối tượng nhà đầu tư được phân phối theo Danh sách nêu trên không nộp đủ số tiền mua) sẽ được hủy bỏ, không được phát hành. Ngày kết thúc đợt chào bán là ngày kết thúc đợt thu tiền (ngày 15/01/2026).</p> <p>6. Hạn chế chuyển nhượng:</p> |                 |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày                            | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Tỷ lệ thông qua                                                             |           |                                 |                            |                       |   |              |        |             |                                                                             |   |                 |       |            |   |              |       |            |   |               |       |            |   |                 |       |            |   |                   |        |             |   |                   |       |            |   |                  |        |             |   |                 |        |             |  |
|-----|---------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------|----------------------------|-----------------------|---|--------------|--------|-------------|-----------------------------------------------------------------------------|---|-----------------|-------|------------|---|--------------|-------|------------|---|---------------|-------|------------|---|-----------------|-------|------------|---|-------------------|--------|-------------|---|-------------------|-------|------------|---|------------------|--------|-------------|---|-----------------|--------|-------------|--|
|     |                           |                                 | <p>Số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua được Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán (từ ngày 15/01/2026 đến hết ngày 15/01/2027).</p> <p><b>Điều 3:</b> Thông qua Danh sách nhà đầu tư được phân phối mua số cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký mua, không nộp tiền mua trong đợt chào bán, chi tiết như sau:</p> <table> <tr> <th>STT</th><th>Họ và tên</th><th>Tổng số lượng cổ phiếu được mua</th><th>Giá trị theo giá mua (VNĐ)</th><th>Hạn chế chuyển nhượng</th></tr> <tr> <td>1</td><td>Lê Ngọc Diệp</td><td>45.144</td><td>451.440.000</td><td rowspan="9">Bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán</td></tr> <tr> <td>2</td><td>Nguyễn Quốc Đạt</td><td>2.000</td><td>20.000.000</td></tr> <tr> <td>3</td><td>Đỗ Xuân Đồng</td><td>3.000</td><td>30.000.000</td></tr> <tr> <td>4</td><td>Lưu Huỳnh Đức</td><td>2.000</td><td>20.000.000</td></tr> <tr> <td>5</td><td>Nguyễn Danh Đức</td><td>4.000</td><td>40.000.000</td></tr> <tr> <td>6</td><td>Nguyễn Doanh Kiên</td><td>20.000</td><td>200.000.000</td></tr> <tr> <td>7</td><td>Mai Thị Trà Giang</td><td>1.000</td><td>10.000.000</td></tr> <tr> <td>8</td><td>Nguyễn Công Minh</td><td>70.000</td><td>700.000.000</td></tr> <tr> <td>9</td><td>Phùng Thị Trang</td><td>15.000</td><td>150.000.000</td></tr> </table> | STT                                                                         | Họ và tên | Tổng số lượng cổ phiếu được mua | Giá trị theo giá mua (VNĐ) | Hạn chế chuyển nhượng | 1 | Lê Ngọc Diệp | 45.144 | 451.440.000 | Bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán | 2 | Nguyễn Quốc Đạt | 2.000 | 20.000.000 | 3 | Đỗ Xuân Đồng | 3.000 | 30.000.000 | 4 | Lưu Huỳnh Đức | 2.000 | 20.000.000 | 5 | Nguyễn Danh Đức | 4.000 | 40.000.000 | 6 | Nguyễn Doanh Kiên | 20.000 | 200.000.000 | 7 | Mai Thị Trà Giang | 1.000 | 10.000.000 | 8 | Nguyễn Công Minh | 70.000 | 700.000.000 | 9 | Phùng Thị Trang | 15.000 | 150.000.000 |  |
| STT | Họ và tên                 | Tổng số lượng cổ phiếu được mua | Giá trị theo giá mua (VNĐ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Hạn chế chuyển nhượng                                                       |           |                                 |                            |                       |   |              |        |             |                                                                             |   |                 |       |            |   |              |       |            |   |               |       |            |   |                 |       |            |   |                   |        |             |   |                   |       |            |   |                  |        |             |   |                 |        |             |  |
| 1   | Lê Ngọc Diệp              | 45.144                          | 451.440.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán |           |                                 |                            |                       |   |              |        |             |                                                                             |   |                 |       |            |   |              |       |            |   |               |       |            |   |                 |       |            |   |                   |        |             |   |                   |       |            |   |                  |        |             |   |                 |        |             |  |
| 2   | Nguyễn Quốc Đạt           | 2.000                           | 20.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                             |           |                                 |                            |                       |   |              |        |             |                                                                             |   |                 |       |            |   |              |       |            |   |               |       |            |   |                 |       |            |   |                   |        |             |   |                   |       |            |   |                  |        |             |   |                 |        |             |  |
| 3   | Đỗ Xuân Đồng              | 3.000                           | 30.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                             |           |                                 |                            |                       |   |              |        |             |                                                                             |   |                 |       |            |   |              |       |            |   |               |       |            |   |                 |       |            |   |                   |        |             |   |                   |       |            |   |                  |        |             |   |                 |        |             |  |
| 4   | Lưu Huỳnh Đức             | 2.000                           | 20.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                             |           |                                 |                            |                       |   |              |        |             |                                                                             |   |                 |       |            |   |              |       |            |   |               |       |            |   |                 |       |            |   |                   |        |             |   |                   |       |            |   |                  |        |             |   |                 |        |             |  |
| 5   | Nguyễn Danh Đức           | 4.000                           | 40.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                             |           |                                 |                            |                       |   |              |        |             |                                                                             |   |                 |       |            |   |              |       |            |   |               |       |            |   |                 |       |            |   |                   |        |             |   |                   |       |            |   |                  |        |             |   |                 |        |             |  |
| 6   | Nguyễn Doanh Kiên         | 20.000                          | 200.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                             |           |                                 |                            |                       |   |              |        |             |                                                                             |   |                 |       |            |   |              |       |            |   |               |       |            |   |                 |       |            |   |                   |        |             |   |                   |       |            |   |                  |        |             |   |                 |        |             |  |
| 7   | Mai Thị Trà Giang         | 1.000                           | 10.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                             |           |                                 |                            |                       |   |              |        |             |                                                                             |   |                 |       |            |   |              |       |            |   |               |       |            |   |                 |       |            |   |                   |        |             |   |                   |       |            |   |                  |        |             |   |                 |        |             |  |
| 8   | Nguyễn Công Minh          | 70.000                          | 700.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                             |           |                                 |                            |                       |   |              |        |             |                                                                             |   |                 |       |            |   |              |       |            |   |               |       |            |   |                 |       |            |   |                   |        |             |   |                   |       |            |   |                  |        |             |   |                 |        |             |  |
| 9   | Phùng Thị Trang           | 15.000                          | 150.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                             |           |                                 |                            |                       |   |              |        |             |                                                                             |   |                 |       |            |   |              |       |            |   |               |       |            |   |                 |       |            |   |                   |        |             |   |                   |       |            |   |                  |        |             |   |                 |        |             |  |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày                    | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                  |                |                      | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|----------------------|-----------------|
|     |                           |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Nhã              |                |                      |                 |
|     |                           |                         | 10                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Lưu Văn Quyền    | 42.000         | 420.000.000          |                 |
|     |                           |                         | 11                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Lê Thanh Thảo    | 40.000         | 400.000.000          |                 |
|     |                           |                         | 12                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Phùng Ngọc Trang | 2.000          | 20.000.000           |                 |
|     |                           |                         | 13                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Bùi Đình Tráng   | 2.000          | 20.000.000           |                 |
|     |                           |                         | 14                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Lương Thị Tú     | 5.000          | 50.000.000           |                 |
|     |                           |                         | 15                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Võ Chí Trung     | 5.000          | 50.000.000           |                 |
|     |                           |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>Tổng</b>      | <b>258.144</b> | <b>2.581.440.000</b> |                 |
|     |                           |                         | <p><b>Điều 4:</b> Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật; Cùng các cá nhân, bộ phận có liên quan có trách nhiệm phối hợp thi hành Nghị quyết này./.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                  |                |                      |                 |
| 2   | 09/01/2026                | Số 02/BVTV.1-HĐQT/NK IV | <p><u>Điều 1:</u> Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương thống nhất phê duyệt chủ trương, thực hiện các giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan năm 2026 với giá trị giao dịch nhỏ hơn 35% tổng tài sản Công ty tính theo báo cáo tài chính năm 2025, cụ thể như sau:</p> <p>1. Đối tượng ký kết hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và những người nội bộ khác;</li> <li>- Tổ chức, cá nhân có liên quan đến người nội bộ;</li> <li>- Cổ đông lớn.</li> </ul> <p>2. Các giao dịch:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hợp đồng mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản;</li> <li>- Các giao dịch, hợp đồng mua, bán chứng khoán, cổ phần;</li> <li>- Các giao dịch, hợp đồng vay, cho vay;</li> </ul> |                  |                |                      | 100%            |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày                              | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     |                           |                                   | <p>- Các giao dịch, hợp đồng khác liên quan đến hoạt động của Công ty.</p> <p><u>Điều 2:</u> Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc triển khai đàm phán, ký kết, thực hiện các giao dịch với các bên liên quan theo đúng quy định của pháp luật, trên nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện, đảm bảo lợi ích của Công ty và các cổ đông. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về các giao dịch này theo đúng quy định của pháp luật.</p> <p><u>Điều 3:</u> Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị trực thuộc Công ty và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p> <p>Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                 |
| 3   | 26/01/2026                | Số<br>03/BVTV.1<br>-HĐQT/NK<br>IV | <p><u>Điều 1:</u> Thông qua kết quả thực hiện tăng vốn điều lệ từ 56.699.590.000 đồng lên 100.001.060.000 đồng, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức tăng vốn: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.</li> <li>- Thời điểm thay đổi vốn: 23/01/2026.</li> <li>- Tổng số lượng cổ phiếu đã chào bán: 4.330.147 cổ phiếu, theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 408/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27/10/2025 và đã được đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo bằng văn bản theo Công văn số 785/UBCK-QLCB ngày 23/01/2026 về việc tài liệu báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng của BT1.</li> </ul> <p><u>Điều 2:</u> Thông qua sửa đổi bổ sung Khoản 1 Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập như sau:</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 100.001.060.000 đồng (bằng chữ: Một trăm tỷ không trăm linh một triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 10.000.106 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</p> <p><u>Điều 3:</u> Thông qua việc thực hiện các thủ tục để thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo vốn điều lệ thực góp sau khi tăng</p> | 100%            |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày                              | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     |                           |                                   | <p>vốn là 100.001.060.000 đồng.</p> <p><b>Điều 4:</b> Thông qua việc Điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký và thay đổi đăng ký giao dịch như sau:</p> <p>Thực hiện việc điều chỉnh thông tin số lượng chứng khoán đăng ký với Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và thay đổi đăng ký giao dịch với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) đối với 4.330.147 cổ phiếu đã chào bán thêm trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.</p> <p><b>Điều 5:</b> Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật; Cùng các cá nhân, bộ phận có liên quan có trách nhiệm phối hợp thi hành Nghị quyết này./.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                 |
| 4   | 11/3/2026                 | Số<br>04/BVTV.1<br>-HĐQT/NK<br>IV | <p>Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương hợp ngày 11/03/2026 đã thảo luận và nhất trí thông qua các nội dung sau đây:</p> <p><b>1. Công tác chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng quản trị Công ty thống nhất chọn ngày 28/4/2026 tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, hình thức tổ chức đại hội trực tiếp; địa điểm tổ chức tại Phòng họp tầng 4 - Văn phòng Công ty.</li> <li>- Hội đồng quản trị đã thống nhất phê duyệt nội dung chương trình, danh mục tài liệu, báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.</li> <li>- Chủ tịch Hội đồng quản trị giao và phân công cho các thành viên HĐQT triển khai lập và trình bày các báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.</li> <li>- Thành lập Ban tổ chức và các tiểu ban thực hiện các nhiệm vụ liên quan tới công tác chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.</li> </ul> <p><b>2. Công tác đầu tư tại một số đơn vị trực thuộc Công ty</b></p> <p><b>2.1. Tại Chi nhánh Phía Nam</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng quản trị nhất trí phê duyệt mức kinh</li> </ul> | 100%            |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     |                           |      | <p>phí dự kiến để thi công phần hoàn thiện hạng mục công trình nhà văn phòng Chi nhánh Phía Nam là 1.068.841.000 đồng (giá chưa bao gồm thuế GTGT); đồng thời tiếp tục lựa chọn Công ty TNHH khung nhà thép và cầu trục C79 steel là đơn vị thi công phần hoàn thiện.</p> <p>- Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng TCHC, TCKT và Chi nhánh Phía Nam làm việc với Công ty TNHH khung nhà thép và cầu trục C79 steel hoàn thiện việc thiết kế và các thủ tục pháp lý cần thiết trước khi thực hiện thi công phần hoàn thiện.</p> <p>2.2. Tại nhà máy tại Khu công nghiệp Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa</p> <p>+ Hội đồng quản trị nhất trí phê duyệt kinh phí mua máy nén khí trục vít, máy sấy khí, bình chứa khí nén và lọc đường ống với tổng mức kinh phí 310.000.000 đồng. Giá chưa bao gồm thuế GTGT. Hội đồng quản trị nhất trí lựa chọn Công ty TNHH công nghiệp Botex Việt Nam là đơn vị cung cấp và lắp đặt hệ thống máy nén khí, máy sấy khí, chứa khí nén và lọc đường ống nêu trên, đồng thời giao Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng, ban liên quan tổ chức đàm phán và ký hợp đồng để thực hiện.</p> <p>+ Phê duyệt mua 01 máy siết nắp chai tròn tự động để trang bị cho nhà máy tại Khu công nghiệp Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa với mức kinh phí dự kiến 190.000.000 đồng. Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT. Hội đồng quản trị nhất trí lựa chọn Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đức Sơn là đơn vị cung ứng, đồng thời Giao Tổng giám đốc Công ty tổ chức đàm phán, ký hợp đồng thực hiện mua sắm, trang bị cho nhà máy.</p> <p>2.3. Tại Chi nhánh Hải Phòng: Hội đồng quản trị nhất trí</p> <p>Hội đồng quản trị nhất trí phê duyệt kinh phí dự kiến 705.000.000 đồng mua Máy đóng gói túi bán thành phẩm tự động và Bộ trục vít định lượng 500g. Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT.</p> <p>Hội đồng quản trị nhất trí lựa chọn Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đức Sơn là</p> |                 |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày                    | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     |                           |                         | <p>đơn vị cung ứng, đồng thời Giao Tổng giám đốc Công ty tổ chức đàm phán, ký hợp đồng thực hiện mua sắm, trang bị cho nhà máy.</p> <p>3. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc Công ty tiếp tục triển khai công tác chỉ đạo sản xuất kinh doanh phục vụ vụ Xuân 2026, công tác quản lý hàng hóa, công nợ, tiền vốn.</p> <p>4. Công tác tổ chức, nhân sự tại một số đơn vị trực thuộc Công ty</p> <p>4.1. Tại Chi nhánh Đà Nẵng</p> <p>- Hội đồng quản trị nhất trí bổ nhiệm ông Trần Văn Hưng - Phó Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng, thời gian kể từ ngày 01/4/2026.</p> <p>4.2. Tại chi nhánh Phú Yên</p> <p>- Hội đồng quản trị nhất trí bổ nhiệm ông Phan Văn Trâm - Nhân viên kinh doanh kiêm lái xe con Chi nhánh Phú Yên giữ chức vụ Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Phú Yên, thời gian kể từ ngày 01/4/2026.</p> <p>4.3. Tại chi nhánh Nam Trung Bộ</p> <p>- Hội đồng quản trị nhất trí bổ nhiệm ông Võ Chí Trung - Phó Giám đốc phụ trách CN Nam Trung Bộ giữ chức vụ Giám đốc Chi nhánh Nam Trung Bộ, thời gian kể từ ngày 01/4/2026.</p> <p>- Hội đồng quản trị nhất trí bổ nhiệm bà Mai Thị Trà Giang - Phụ trách kế toán, giữ chức vụ Kế toán trưởng Chi nhánh Nam Trung Bộ, thời gian kể từ ngày 01/4/2026.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị giao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện Nghị quyết này./.</p> |                 |
| 5   | 15/4/2026                 | Số 05/BVTV.1-HĐQT/NK IV | <p>Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương họp ngày 15/4/2026 đã thảo luận và nhất trí thông qua các nội dung sau đây:</p> <p>1. Phê duyệt nội dung của các Báo cáo, tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.</p> <p>2. Phê duyệt phương án chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2025 trình đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 100%            |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày                    | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     |                           |                         | <p>3. Thống nhất dự kiến các thành viên tham gia Đoàn chủ tịch, Đoàn thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu để điều hành và giúp việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.</p> <p>4. Giao cho ông Đỗ Đức Cơ - Phó chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban tài liệu tiếp tục chỉ đạo, kiểm tra và rà soát công tác tổ chức, phục vụ để tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.</p> <p>5. Công tác đầu tư</p> <p>Hội đồng quản trị thống nhất phê duyệt kinh phí mua sắm máy móc, thiết bị cho các đơn vị cụ thể như sau:</p> <p>- Tại nhà máy thuộc Khu công nghiệp Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa: Hội đồng quản trị nhất trí phê duyệt đầu tư lắp đặt 02 hệ thống xử lý khí thải với công suất là 100.000 m<sup>3</sup>/giờ và 30.000 m<sup>3</sup>/giờ với mức kinh phí dự kiến 3.520.800.000 đồng. Giá đã bao gồm thuế GTGT.</p> <p>Hội đồng quản trị nhất trí lựa chọn Công ty cổ phần công nghệ môi trường Hải Việt là đơn vị thi công lắp đặt và giao Tổng giám đốc Công ty chỉ đạo các phòng, ban liên quan tổ chức đàm phán và ký hợp đồng để thực hiện trong tháng 04 năm 2026.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị giao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện Nghị quyết này./.</p> |                 |
| 6   | 08/05/2026                | Số 01/BVTV.1 -HĐQT/NK V | <p><u>Điều 1:</u> Hội đồng quản trị thống nhất bầu:</p> <p>1. Ông Đặng Văn Thông Ngày sinh: 20/10/1964. Quốc tịch: Việt Nam</p> <p>Giữ chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương nhiệm kỳ V (2026 - 2031).</p> <p>2. Ông Phan Văn Tùng Ngày sinh: 10/12/1977. Quốc tịch: Việt Nam</p> <p>Giữ chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương nhiệm kỳ V (2026 - 2031).</p> <p><u>Điều 2:</u> Nghị quyết này đã được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương nhiệm kỳ V (2026 - 2031) thông qua tại cuộc họp.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 100%            |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày                             | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     |                           |                                  | <p><u>Điều 3:</u> Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị trực thuộc Công ty và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p> <p>Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                 |
| 7   | 08/05/2026                | Số<br>02/BVTV.1<br>-HĐQT/NK<br>V | <p>Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương nhiệm kỳ V (2026 - 2031) họp ngày 08/5/2026 đã thảo luận và nhất trí thông qua các nội dung sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua kết quả bầu và bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, cụ thể:</p> <p>1.1. Ông Phan Văn Tùng. Ngày sinh: 10/12/1977. Quốc tịch: Việt Nam.</p> <p>Giữ chức vụ: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương, nhiệm kỳ V (2026 - 2031).</p> <p>1.2. Ông Lê Thanh Thảo. Ngày sinh: 10/10/1969. Quốc tịch: Việt Nam.</p> <p>Giữ chức vụ: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương, nhiệm kỳ V (2026 - 2031).</p> <p>1.3. Bà Lương Thị Tú. Ngày sinh: 23/9/1970. Quốc tịch: Việt Nam.</p> <p>Giữ chức vụ: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương, nhiệm kỳ V (2026 - 2031).</p> <p>1.4. Ông Lê Ngọc Diệp. Ngày sinh: 17/08/1986. Quốc tịch: Việt Nam.</p> <p>Giữ chức vụ: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương, nhiệm kỳ V (2026 - 2031).</p> <p>2. Hội đồng quản trị nhất trí thông qua việc chưa thay đổi cơ cấu tổ chức, bộ máy và cán bộ quản lý hiện tại đối với các phòng ban, đơn vị trực thuộc; Đồng thời giao cho Tổng Giám đốc rà soát đánh giá lại hệ thống tổ chức cán bộ và xây dựng tờ trình trình HĐQT về tổ chức bộ máy Công ty và các chức danh cán bộ quản lý để HĐQT xem xét, bổ nhiệm theo quy định.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị giao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám</p> | 100%            |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày                             | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|     |                           |                                  | đốc, các đơn vị trực thuộc Công ty và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.<br>Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                 |
| 8   | 11/5/2026                 | Số<br>03/BVTV.1<br>-HĐQT/NK<br>V | <p><b>Điều 1:</b> Thay đổi người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi. Họ và tên: PHAN VĂN TÙNG<br/>Ngày, tháng, năm sinh: 10/12/1977<br/>Giới tính: Nam<br/>Dân tộc: Kinh<br/>Quốc tịch: Việt Nam<br/>Số định danh cá nhân: 042077008088<br/>Ngày cấp: 16/6/2021<br/>Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội<br/>Chức danh: Tổng Giám đốc<br/>Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Kỳ Đông, xã Cô Đàm, tỉnh Hà Tĩnh.<br/>Địa chỉ liên lạc: Phòng 1605 Chung cư Lotus khối 13, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An.<br/>Việc thay đổi người đại diện pháp luật không làm thay đổi nội dung điều lệ công ty.</p> <p><b>Điều 2:</b> Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và các phòng, ban liên quan triển khai thực hiện thủ tục thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật.</p> <p><b>Điều 3:</b> Hội đồng quản trị thống nhất giao ông Phan Văn Tùng - Tổng giám đốc Công ty thực hiện ủy quyền cho ông Đặng Văn Thông - Chủ tịch Hội đồng quản trị, bà Lương Thị Tú - Phó Tổng giám đốc Công ty được thay mặt ông ký các giao dịch thanh toán, chuyển tiền, bảo lãnh, tín dụng và các giao dịch tài chính khác tại các ngân hàng mà Công ty đang hợp tác trong thời gian hoàn tất thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật và chủ tài khoản của Công ty.</p> <p><b>Điều 4:</b> Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty; các phòng, ban; đơn vị trực thuộc Công ty và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành nghị quyết này./.</p> |                 |
| 9   | 22/5/2026                 | Số<br>04/BVTV.1<br>-HĐQT/NK<br>V | <p>Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương nhiệm kỳ V (2026 - 2031) họp ngày 22/5/2026 đã thảo luận và nhất trí thông qua các nội dung sau đây:</p> <p>1. Phê duyệt và nhất trí bổ nhiệm các chức</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                 |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày                                             | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Tỷ lệ thông qua |           |         |           |    |                   |                                                  |            |    |                     |                 |         |  |
|-----|---------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------|---------|-----------|----|-------------------|--------------------------------------------------|------------|----|---------------------|-----------------|---------|--|
|     |                           |                                                  | <p>danh quản lý tại các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công ty theo nội dung tờ trình số 396 / TTr ngày 19/5/2026 của Ban Tổng giám đốc Công ty.</p> <p>2. Thông qua việc vay vốn, phát hành L/C, bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội</p> <p>3. Hội đồng quản trị nhất trí phê duyệt chủ trương chấm dứt hoạt động của Ban phát triển Giống cây trồng Công ty do hoạt động không hiệu quả. Giao Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá, trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định các vấn đề liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của Ban Giống cây trồng, cụ thể: thời gian chấm dứt hoạt động, bố trí sắp xếp lao động, giải quyết hàng hóa, vật tư tồn kho.</p> <p>4. Hội đồng quản trị nhất trí thành lập Chi nhánh Phía Bắc trên cơ sở sáp nhập Tổ bán hàng Khu vực II, III và VIII vào Chi nhánh Phía Bắc và kiện toàn bộ máy nhân sự tại Chi nhánh sau sáp nhập theo tờ trình số số 396 / TTr ngày 19/5/2026 của Ban Tổng giám đốc Công ty.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị Giao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị trực thuộc Công ty và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p> |                 |           |         |           |    |                   |                                                  |            |    |                     |                 |         |  |
| 10  | 19/6/2026                 | Số<br>05/BVTV.1<br>-HĐQT/NK<br>V                 | <p>Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật 1 Trung ương nhiệm kỳ V (2026 - 2031) họp ngày 19/6/2026 đã thảo luận và nhất trí thông qua các nội dung sau đây:</p> <p>1. Hội đồng quản trị nhất trí và thống nhất thành lập Ban quản lý đầu tư hệ thống máy móc, trang thiết bị phục vụ hoạt động của “Nhà máy chế biến giống cây trồng và gia công, sang chai, đóng gói vật tư bảo vệ thực vật” tại Khu công nghiệp Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Thành phần gồm những ông, bà có tên sau; đồng thời quy định rõ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý đầu tư.</p> <table><tr><th>TT</th><th>Họ và tên</th><th>Chức vụ</th><th>Phân công</th></tr><tr><td>1.</td><td>Ông Phan Văn Tùng</td><td>Phó chủ tịch HĐQT Công ty, Tổng Giám đốc công ty</td><td>Trưởng Ban</td></tr><tr><td>2.</td><td>Ông Nguyễn Đức Dũng</td><td>Thành viên HĐQT</td><td>Ủy viên</td></tr></table>                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | TT              | Họ và tên | Chức vụ | Phân công | 1. | Ông Phan Văn Tùng | Phó chủ tịch HĐQT Công ty, Tổng Giám đốc công ty | Trưởng Ban | 2. | Ông Nguyễn Đức Dũng | Thành viên HĐQT | Ủy viên |  |
| TT  | Họ và tên                 | Chức vụ                                          | Phân công                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                 |           |         |           |    |                   |                                                  |            |    |                     |                 |         |  |
| 1.  | Ông Phan Văn Tùng         | Phó chủ tịch HĐQT Công ty, Tổng Giám đốc công ty | Trưởng Ban                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                 |           |         |           |    |                   |                                                  |            |    |                     |                 |         |  |
| 2.  | Ông Nguyễn Đức Dũng       | Thành viên HĐQT                                  | Ủy viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                 |           |         |           |    |                   |                                                  |            |    |                     |                 |         |  |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |                       |                                               |         | Tỷ lệ thông qua                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|---------------------------|------|----------|-----------------------|-----------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                           |      | 3.       | Ông Lê Thanh Thảo     | Thành viên HĐQT, Giám đốc Chi nhánh Khu vực I | Ủy viên | <p>2. Hội đồng quản trị thống nhất giao Ban Tổng giám đốc Công ty tổng hợp số liệu về lượng hàng hóa, vật tư tồn kho của Ban Phát triển Giống cây trồng sau khi kết thúc công tác kiểm kê tại thời điểm 0 giờ ngày 01/07/2026. Từ đó xây dựng phương án xử lý các vấn đề liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của Ban Phát triển Giống cây trồng Công ty trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị giao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, các đơn vị trực thuộc Công ty và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p> |
|     |                           |      | 4.       | Ông Trần Quang Vinh   | Trưởng Ban kiểm soát Công ty                  | Ủy viên |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |                           |      | 5.       | Ông Lê Ngọc Diệp      | Trưởng phòng TCKT, kế toán trưởng Công ty     | Ủy viên |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |                           |      | 6.       | Ông Bùi Đình Tráng    | Trưởng phòng TCHC                             | Ủy viên |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |                           |      | 7.       | Ông Nguyễn Doanh Kiên | Trưởng phòng CN&SX                            | Ủy viên |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |                           |      | 8.       | Ông Nguyễn Văn Thứ    | Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng                  | Ủy viên |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |                           |      |          |                       |                                               |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|     |                           |      |          |                       |                                               |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

### III. BAN KIỂM SOÁT:

#### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát:

| STT | Thành viên BKS      | Chức vụ    | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Ngày không còn là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn                   |
|-----|---------------------|------------|--------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|
| 1.  | Nguyễn Thanh Trà    | Trưởng ban |                                | 28/4/2026                        | Cử nhân kế toán, cử nhân ngôn ngữ anh |
| 2.  | Nguyễn Thị Kim Xuân | Thành viên |                                | 28/4/2026                        | Cử nhân khoa học                      |
| 3.  | Trần Quang Vinh     | Trưởng Ban | 26/4/2024                      |                                  | Thạc sỹ kinh tế                       |
| 4.  | Phạm Văn Chiến      | Thành viên | 28/4/2026                      |                                  | Thạc sỹ kinh tế                       |
| 5.  | Nghiêm              | Thành viên | 28/4/2026                      |                                  | Cử nhân kế toán                       |

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Ngày không còn là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn |
|-----|----------------|---------|--------------------------------|----------------------------------|---------------------|
|     | Xuân Chung     |         |                                |                                  |                     |

2. Cuộc họp của Ban Kiểm soát 6 tháng đầu năm 2026:

| STT | Thành viên BKS      | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp   |
|-----|---------------------|---------------------|-------------------|------------------|---------------------------|
| 1.  | Nguyễn Thanh Trà    | 1/2                 | 50%               | 100%             | Miễn nhiệm ngày 28/4/2026 |
| 2.  | Nguyễn Thị Kim Xuân | 1/2                 | 50%               | 100%             | Miễn nhiệm ngày 28/4/2026 |
| 3.  | Trần Quang Vinh     | 2/2                 | 100%              | 100%             |                           |
| 4.  | Phạm Văn Chiến      | 1/2                 | 50%               | 100%             | Bỏ nhiệm ngày 28/4/2026   |
| 5.  | Nghiêm Xuân Chung   | 1/2                 | 50%               | 100%             | Bỏ nhiệm ngày 28/4/2026   |

3. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra giám sát tình hình tài chính và báo cáo tài chính 6 tháng năm 2026 của Công ty.
- Hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ Điều lệ, quy chế quản trị Công ty và các quy định của Pháp luật có liên quan.
- Ban Tổng giám đốc đã và đang triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2026 và các quyết định của Hội đồng quản trị.
- Ban kiểm soát không nhận được đơn yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hay nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định của Điều lệ Công ty.

Nhìn chung, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã rất nỗ lực điều hành các hoạt động của Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát Công ty thường xuyên trao đổi thông tin, cập nhật tình hình diễn biến hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty.

- Trưởng Ban kiểm soát được mời tham gia tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ cũng như bất thường.

- Tham gia kiểm kê định kỳ 6 tháng đầu năm hoặc đột xuất đối với các đơn vị trong toàn Công ty.

- HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty luôn phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong việc kiểm tra, kiểm soát tại các đơn vị trực thuộc Công ty. Chỉ đạo các đơn vị phối hợp làm việc với Ban kiểm soát và thực hiện nghiêm túc các đề nghị của Ban kiểm soát đối với đơn vị được kiểm tra.

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có):

#### IV. Ban Điều hành

| STT | Thành viên Ban điều hành          | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn             | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành |
|-----|-----------------------------------|---------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------|
| 1.  | Đặng Văn Thông – Tổng giám đốc    | 20/10/1964          | Thạc sỹ kinh tế, Kỹ sư Nông học | Miễn nhiệm 08/5/2026                               |
| 2.  | Phan Văn Tùng – Tổng giám đốc     | 10/12/1977          | Kỹ sư Bảo vệ thực vật           | Bổ nhiệm 13/5/2026                                 |
| 3.  | Lương Thị Tú – Phó Tổng giám đốc  | 23/09/1970          | Cử nhân kinh tế                 | Bổ nhiệm 10/01/2024                                |
| 4.  | Lê Thanh Thảo – Phó Tổng giám đốc | 10/10/1969          | Kỹ sư trồng trọt                | Bổ nhiệm 13/5/2026                                 |

#### V. Kế toán trưởng

| Họ và tên    | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ | Ngày bổ nhiệm |
|--------------|---------------------|-------------------------------|---------------|
| Lê Ngọc Diệp | 17/08/1986          | Cử nhân kinh tế               | 10/01/2024    |

#### VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Không có

#### VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng 6 tháng đầu năm 2026 và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

1. Danh sách về người có liên quan của công ty (Có phụ lục 01 kèm theo).

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát.

- Không phát sinh

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo). Không có

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành. Không có

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác. Không có

### **VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ 6 tháng đầu năm 2026**

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ công ty

(Có phụ lục 03 kèm theo)

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

| Stt | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ      | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|-------------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|----------------------------------------------------|
|     |                           |                               | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |                                                    |
| 1.  | Lê Thanh Thảo             |                               | 108.049                   | 1,08  | 148.049                    | 1,48  | Mua cổ phiếu chưa phân phối hết                    |
| 2.  | Trần Quang Vinh           |                               | 38.095                    | 0,38  | 21.600                     | 0,22  | Nhu cầu tài chính cá nhân                          |
| 3.  | Lương Thị Tú              |                               | 354.863                   | 3,55  | 359.863                    | 3,6   | Mua cổ phiếu chưa phân phối hết                    |
| 4.  | Lê Ngọc Diệp              |                               | 23.513                    | 0,24  | 68.657                     | 0,69  | Mua cổ phiếu chưa phân phối hết                    |
| 5.  | Hoàng Thị Lương Hoa       | Mẹ Trường BKS Trần Quang Vinh | 146.775                   | 1,47  | 116.005                    | 1,16  | Nhu cầu tài chính cá nhân                          |
| 6.  | Bùi Đình Tráng            |                               | 0                         | 0     | 2.000                      | 0,02  | Mua cổ phiếu chưa phân phối hết                    |

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có**

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**  
  
**Đặng Văn Thông**

**Phụ lục 01: Danh sách về người có liên quan của công ty**  
(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2026)

| STT                                                          | Tên tổ chức / cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có)                                         | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do      | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|--------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|------------|-----------------------------------|
| <b>I. Người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị</b> |                       |                                         |                                                                      |                                     |                                          |                                         |                                           |            |                                   |
| 1.                                                           | Đặng Văn Thông        |                                         | Chủ tịch HĐQT                                                        |                                     |                                          | Từ tháng 7/2006                         |                                           | Bổ nhiệm   | Người nội bộ                      |
| 2.                                                           | Phan Văn Tùng         |                                         | Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc                                     |                                     |                                          | 14/04/2016                              |                                           | Bổ nhiệm   | Người nội bộ                      |
| 3.                                                           | Đỗ Đức Cơ             |                                         | Phó chủ tịch HĐQT                                                    |                                     |                                          |                                         | 28/04/2026                                | Miễn nhiệm | Người nội bộ                      |
| 4.                                                           | Nguyễn Đức Dũng       |                                         | Thành viên HĐQT                                                      |                                     |                                          | 28/04/2026                              |                                           | Bổ nhiệm   | Người nội bộ                      |
| 5.                                                           | Vũ Thiện Giáo         |                                         | Thành viên HĐQT, Trưởng phòng CN&SX                                  |                                     |                                          |                                         | 28/04/2026                                | Miễn nhiệm | Người nội bộ                      |
| 6.                                                           | Lê Thanh Thảo         |                                         | Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Khu vực I |                                     |                                          | 26/04/2024                              |                                           | Bổ nhiệm   | Người nội bộ                      |
| 7.                                                           | Nguyễn Thị Kim Xuân   |                                         | Thành viên HĐQT                                                      |                                     |                                          | 28/04/2026                              |                                           | Bổ nhiệm   | Người nội bộ                      |
| <b>II. Người có liên quan là thành viên Ban kiểm soát</b>    |                       |                                         |                                                                      |                                     |                                          |                                         |                                           |            |                                   |
| 1.                                                           | Nguyễn Thanh          |                                         | Trưởng Ban kiểm                                                      |                                     |                                          |                                         | 28/4/2026                                 | Miễn       |                                   |

| STT         | Tên tổ chức / cá nhân                                     | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có)                                         | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do      | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|-------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|------------|-----------------------------------|
|             | Trà                                                       |                                          | soát                                                                 |                                     |                                       |                                         |                                           | nhiệm      |                                   |
| 2.          | Phạm Văn Chiến                                            |                                          | Thành viên BKS                                                       |                                     |                                       | 28/4/2026                               |                                           | Bổ nhiệm   | Người nội bộ                      |
| 3.          | Nghiêm Xuân Chung                                         |                                          | Thành viên BKS                                                       |                                     |                                       | 28/4/2026                               |                                           | Bổ nhiệm   | Người nội bộ                      |
| 4.          | Nguyễn Thị Kim Xuân                                       |                                          | Thành viên BKS                                                       |                                     |                                       |                                         | 28/4/2026                                 | Miễn nhiệm |                                   |
| 5.          | Trần Quang Vinh                                           |                                          | Trưởng Ban kiểm soát                                                 |                                     |                                       | 07/5/2026                               |                                           | Bổ nhiệm   | Người nội bộ                      |
| <b>III.</b> | <b>Người có liên quan là thành viên Ban Tổng giám đốc</b> |                                          |                                                                      |                                     |                                       |                                         |                                           |            |                                   |
| 1.          | Đặng Văn Thông                                            |                                          | Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc                                       |                                     |                                       |                                         | 08/5/2026                                 | Miễn nhiệm | Người nội bộ                      |
| 2.          | Phan Văn Tùng                                             |                                          | Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc                                     |                                     |                                       | 13/5/2026                               |                                           | Bổ nhiệm   | Người nội bộ                      |
| 3.          | Lương Thị Tú                                              |                                          | Phó TGD                                                              |                                     |                                       | 10/01/2024                              |                                           | Bổ nhiệm   | Người nội bộ                      |
| 4.          | Lê Thanh Thảo                                             |                                          | Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc chi nhánh Khu vực I |                                     |                                       | 13/5/2026                               |                                           | Bổ nhiệm   | Người nội bộ                      |
| <b>IV.</b>  | <b>Người có liên quan là Kế toán trưởng Công ty</b>       |                                          |                                                                      |                                     |                                       |                                         |                                           |            |                                   |

| STT       | Tên tổ chức / cá nhân          | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có)                                            | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do    | Mối quan hệ liên quan với công ty |
|-----------|--------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|----------|-----------------------------------|
| 1.        | Lê Ngọc Diệp                   |                                          | Kế toán trưởng, người được ủy quyền CBTT                                |                                     |                                       | 10/01/2024                              |                                           | Bỏ nhiệm | Người nội bộ                      |
| <b>V.</b> | <b>Người có liên quan khác</b> |                                          |                                                                         |                                     |                                       |                                         |                                           |          |                                   |
| 1.        | Bùi Đình Tráng                 |                                          | Phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty, Trưởng phòng Tổ chức hành chính |                                     |                                       | 27/4/2021                               |                                           | Bỏ nhiệm | Người nội bộ                      |

**Phụ lục 03: Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ công ty**  
(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2026)

| STT  | Họ tên                  | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có) | Số CMND/Hộ<br>chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi<br>chú |
|------|-------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|----------------------------------|----------------------------------------|------------|
| 1.   | <b>Đặng Văn Thông</b>   |                                                   | <b>Chủ tịch HĐQT</b>            |                                           |                 | <b>2.270.162</b>                 | <b>22,17%</b>                          |            |
| 1.1  | Đặng Văn Lương          |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 1.2  | Đinh Thị Thiều          |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        | Đã mất     |
| 1.3  | Nguyễn Công Tạn         |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        | Đã<br>mất  |
| 1.4  | Doãn Thị Minh<br>Chính  |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 1.5  | Nguyễn Thị Thu<br>Hương |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 1.6  | Đặng Thu Phương         |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 1.7  | Axel Jonson             |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 1.8  | Đặng Sơn Tùng           |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 1.9  | Đặng Minh Thực          |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 1.10 | Phạm Thị Hồng Tới       |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 1.11 | Đặng Văn Thu            |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 1.12 | Đinh Thị Thanh          |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |

| STT  | Họ tên                 | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)                 | Số CMND/Hộ<br>chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi<br>chú |
|------|------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|----------------------------------|----------------------------------------|------------|
| 1.13 | Đặng Minh Cường        |                                                   |                                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 1.14 | Trương Thị Ngọc<br>Lan |                                                   |                                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 1.15 | Đặng Thị Thảo          |                                                   |                                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 1.16 | Đặng Thị Nhung         |                                                   |                                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 1.17 | Đinh Văn Tráng         |                                                   |                                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 2.   | <b>Phan Văn Tùng</b>   |                                                   | <b>Phó Chủ tịch<br/>HĐQT, Tổng<br/>giám đốc</b> |                                           |                 | <b>88.975</b>                    | <b>0,89%</b>                           |            |
| 2.1  | Phạm Thị Lan<br>Hương  |                                                   |                                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 2.2  | Phan Tùng Linh         |                                                   |                                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 2.3  | Phan Tùng Chi          |                                                   |                                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 2.4  | Phan Tùng Lâm          |                                                   |                                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 2.5  | Phan Đình Đeo          |                                                   |                                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |

| STT  | Họ tên                | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)                                                                 | Số CMND/Hộ<br>chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi<br>chú |
|------|-----------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|----------------------------------|----------------------------------------|------------|
| 2.6  | Hoàng Thị Lý          |                                                   |                                                                                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 2.7  | Phan Thị Hoa          |                                                   |                                                                                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 2.8  | Phan Đình Hùng        |                                                   |                                                                                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 2.9  | Phan Văn Nam          |                                                   |                                                                                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 2.10 | Phan Thị Long         |                                                   |                                                                                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 2.11 | Nguyễn Công<br>Khang  |                                                   |                                                                                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 2.12 | Trần Thị Kim<br>Thanh |                                                   |                                                                                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 3.   | Lê Thanh Thảo         |                                                   | <b>Thành viên<br/>HDQT, Phó<br/>Tổng giám đốc<br/>kiêm Giám đốc<br/>Chi nhánh Khu<br/>vực I</b> |                                           |                 | <b>148.049</b>                   | <b>1.48%</b>                           |            |
| 3.1  | Lê Xuân Lục           |                                                   |                                                                                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 3.2  | Lê Thị Thọn           |                                                   |                                                                                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 3.3  | Trần Văn Dưỡng        |                                                   |                                                                                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 3.4  | Nguyễn Thị Hân        |                                                   |                                                                                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |

| STT  | Họ tên                 | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có) | Số CMND/Hộ<br>chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi<br>chú |
|------|------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|----------------------------------|----------------------------------------|------------|
| 3.5  | Trần Thị Anh           |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 3.6  | Lê Chí Thành           |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 3.7  | Lê Đức Mạnh            |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 3.8  | Lê Hồng Anh            |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 3.9  | Lê Thanh Sơn           |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 3.10 | Lê Thanh Đăng          |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 3.11 | Lê Thị Đào             |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 3.12 | Lê Thanh Thủy          |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 3.13 | Trương Thị Linh        |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 3.14 | Nguyễn Thị Ngọc<br>Lan |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 3.15 | Trần Thanh Tùng        |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 3.16 | Nguyễn Thị Hương       |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |

| STT | Họ tên                 | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có) | Số CMND/Hộ<br>chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|----------------------------------|----------------------------------------|------------|
| 4.  | Nguyễn Đức Dũng        |                                                   | Thành viên<br>HĐQT              |                                           |                 | 130.749                          | 1,31%                                  |            |
| 4.1 | Dương Thanh<br>Huyền   |                                                   |                                 |                                           |                 | 96.586                           | 0,97%                                  |            |
| 4.2 | Nguyễn Đức Hiệu        |                                                   |                                 |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |
| 4.3 | Nguyễn Thị Thiệp       |                                                   |                                 |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |
| 4.4 | Dương Trọng Thu        |                                                   |                                 |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |
| 4.5 | Nguyễn Đức Hải         |                                                   |                                 |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |
| 4.6 | Phạm Thị Châu<br>Loan  |                                                   |                                 |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |
| 4.7 | Nguyễn Thị Thu<br>Thủy |                                                   |                                 |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |
| 4.8 | Nguyễn Hà Sơn          |                                                   |                                 |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |
| 4.9 | Nguyễn Đức Tuấn        |                                                   |                                 |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |

| STT      | Họ tên                                                        | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có) | Số CMND/Hộ<br>chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi<br>chú |
|----------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|----------------------------------|----------------------------------------|------------|
| 4.10     | Nguyễn Đức Minh                                               |                                                   |                                 |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |
| 4.11     | Nguyễn Ngọc Linh                                              |                                                   |                                 |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |
| 4.12     | Công ty cổ phần<br>Khai thác đá Thừa<br>Thiên Huế             |                                                   |                                 |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |
| 4.13     | Công ty cổ phần<br>XNK Chuyên gia,<br>Lao động và kỹ<br>thuật |                                                   |                                 |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |
| 4.14     | Công ty cổ phần Tư<br>vấn và Đầu tư phát<br>triển Quảng Nam   |                                                   |                                 |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |
| <b>5</b> | <b>Nguyễn Thị Kim<br/>Xuân</b>                                |                                                   | <b>Thành viên<br/>HĐQT</b>      |                                           |                 | <b>9.744</b>                     | <b>0,97%</b>                           |            |
| 5.1      | NGUYỄN THỊ<br>LUẬN                                            |                                                   |                                 |                                           |                 | 0                                |                                        |            |
| 5.2      | NGUYỄN HÀNH<br>THIỆN                                          |                                                   | Lái xe                          |                                           |                 | 10.128                           | 0,10%                                  |            |
| 5.3      | NGUYỄN THỊ<br>HỒNG LINH                                       |                                                   |                                 |                                           |                 | 0                                |                                        |            |

| STT | Họ tên                 | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)             | Số CMND/Hộ<br>chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|----------------------------------|----------------------------------------|------------|
| 5.4 | NGUYỄN GIA<br>DUY      |                                                   |                                             |                                           |                 | 0                                |                                        |            |
| 5.5 | NGUYỄN THỊ<br>PHÒNG    |                                                   |                                             |                                           |                 | 0                                |                                        |            |
| 5.6 | NGUYỄN GIA<br>HIỆP     |                                                   |                                             |                                           |                 | 0                                |                                        |            |
| 5.7 | NGUYỄN<br>PHUONG THẢO  |                                                   |                                             |                                           |                 | 0                                |                                        |            |
| 5.8 | NGUYỄN GIA<br>HÙNG     |                                                   |                                             |                                           |                 | 0                                |                                        |            |
| 5.9 | NGUYỄN HỒNG<br>PHƯƠNG  |                                                   |                                             |                                           |                 | 0                                |                                        |            |
| 6   | Trần Quang Vinh        |                                                   | Tổng Ban kiểm<br>soát Nhiệm kỳ<br>2026-2031 |                                           |                 | 21.600                           | 0.21%                                  |            |
| 6.1 | Trần Quang Dinh        |                                                   |                                             |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 6.2 | Hoàng Thị Lương<br>Hoa |                                                   |                                             |                                           |                 | 116.005                          | 1.16%                                  |            |
| 6.3 | Nguyễn Văn Phúc        |                                                   |                                             |                                           |                 |                                  |                                        |            |

| STT | Họ tên                       | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)                            | Số CMND/Hộ<br>chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi<br>chú |
|-----|------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|----------------------------------|----------------------------------------|------------|
| 6.4 | Trần Thị Hồng                |                                                   |                                                            |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 6.5 | Nguyễn Thị Phương<br>Thảo    |                                                   |                                                            |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 6.6 | Trần Thị Thúy Hiền           |                                                   |                                                            |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 6.7 | Trần Như Ngọc<br>Tâm         |                                                   |                                                            |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 7   | <b>Nghiêm Xuân<br/>Chung</b> |                                                   | <b>Thành viên Ban<br/>kiểm soát Nhiệm<br/>kỳ 2026-2031</b> |                                           |                 | <b>1.080</b>                     | <b>0.01%</b>                           |            |
| 7.1 | Nghiêm Xuân Hòa              |                                                   |                                                            |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 7.2 | Phùng Thị Đa                 |                                                   |                                                            |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 7.3 | Nguyễn Như Chung             |                                                   |                                                            |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 7.4 | Nguyễn Kim Hải               |                                                   |                                                            |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 7.5 | Nguyễn Thị Thùy<br>Dương     |                                                   |                                                            |                                           |                 |                                  |                                        |            |

| STT | Họ tên                  | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)                            | Số CMND/Hộ<br>chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|----------------------------------|----------------------------------------|------------|
| 7.6 | Nghiêm Gia Đạt          |                                                   |                                                            |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 7.7 | Nghiêm Minh<br>Huyền    |                                                   |                                                            |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 7.8 | Nghiêm Thị Mai<br>Hương |                                                   |                                                            |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 8   | Phạm Văn Chiến          |                                                   | <b>Thành viên Ban<br/>kiểm soát Nhiệm<br/>kỳ 2026-2031</b> |                                           |                 | <b>167.999</b>                   | <b>1,68%</b>                           |            |
| 8.1 | Bùi Thị Hương           |                                                   |                                                            |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |
| 8.2 | Phạm Quỳnh Anh          |                                                   |                                                            |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |
| 8.3 | Phạm Văn Chương         |                                                   |                                                            |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |
| 8.4 | Trần Thị Nhân           |                                                   |                                                            |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |
| 8.5 | Phạm Thị Tâm            |                                                   |                                                            |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |
| 8.6 | Phạm Văn Chung          |                                                   |                                                            |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |
| 8.7 | Phạm Thị Toan           |                                                   |                                                            |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |

| STT        | Họ tên              | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)                                          | Số CMND/Hộ<br>chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi<br>chú |
|------------|---------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|----------------------------------|----------------------------------------|------------|
| 8.8        | Phạm Văn Khương     |                                                   |                                                                          |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |
| 8.9        | Phan Thị Thảo       |                                                   |                                                                          |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |
| 8.10       | Phạm Văn Phóng      |                                                   |                                                                          |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |
| 8.11       | Vũ Thị Khuyên       |                                                   |                                                                          |                                           |                 | 0                                | 0                                      |            |
| <b>9</b>   | <b>Lương Thị Tú</b> |                                                   | <b>Phó Tổng giám<br/>đốc</b>                                             |                                           |                 | <b>361.100</b>                   | <b>3,61%</b>                           |            |
| 9.1        | Phạm Bình Sinh      |                                                   |                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 9.2        | Phạm Thị Hoài Thu   |                                                   |                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 9.3        | Phạm Xuân Sang      |                                                   |                                                                          |                                           |                 | 9.523                            | 0,10%                                  |            |
| 9.4        | Vũ Đức Dũng         |                                                   |                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 9.5        | Trần Thị Hải        |                                                   |                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 9.6        | Lương Thị Khánh     |                                                   |                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 9.7        | Lương Thị Oanh      |                                                   |                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 9.8        | Lương Tuấn Anh      |                                                   |                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 9.9        | Lương Tuấn Tài      |                                                   |                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 9.10       | Nguyễn Văn Hậu      |                                                   |                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 9.11       | Nguyễn Thị Yên      |                                                   |                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 9.12       | Nguyễn Thị Phương   |                                                   |                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 9.13       | Phạm Thị Chúc       |                                                   |                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| <b>10.</b> | <b>Lê Ngọc Diệp</b> |                                                   | <b>Kế toán trưởng,<br/>Người được ủy<br/>quyền công bố<br/>thông tin</b> |                                           |                 | <b>68.657</b>                    | <b>0,69%</b>                           |            |
| 10.1       | Lê Tất Đức          |                                                   |                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 10.2       | Nguyễn Thị Quý      |                                                   |                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |

| STT  | Họ tên             | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có)                                                          | Số CMND/Hộ<br>chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi<br>chú |
|------|--------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|----------------------------------|----------------------------------------|------------|
| 10.3 | Nguyễn Văn Khoát   |                                                   |                                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 10.4 | Nguyễn Thị Huệ     |                                                   |                                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 10.5 | Nguyễn Thị Hải     |                                                   |                                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 10.6 | Lê Quang Vinh      |                                                   |                                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 10.7 | Lê Diệp Kiều Trang |                                                   |                                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 10.8 | Lê Văn Hiệp        |                                                   |                                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 10.9 | Vũ Thị Hồng        |                                                   |                                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 11.  | Bùi Đình Tráng     |                                                   | <b>Phụ trách quản<br/>trị kiêm thư ký<br/>Công ty, Trưởng<br/>phòng TCHC<br/>Công ty</b> |                                           |                 | <b>2.000</b>                     | <b>0,02%</b>                           |            |
| 11.1 | Bùi Đình Hùng      |                                                   |                                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 11.2 | Nguyễn Thị Thùy    |                                                   |                                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 11.3 | Bùi Thị Hoa        |                                                   |                                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 11.4 | Bùi Thị Như        |                                                   |                                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 11.5 | Bùi Thị Hồng       |                                                   |                                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 11.6 | Trần Hồng Nhung    |                                                   |                                                                                          |                                           |                 |                                  |                                        |            |

| STT   | Họ tên                | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có) | Chức vụ tại công<br>ty (nếu có) | Số CMND/Hộ<br>chiếu, ngày<br>cấp, nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu<br>sở hữu cuối<br>kỳ | Tỷ lệ sở<br>hữu cổ<br>phiếu cuối<br>kỳ | Ghi<br>chú |
|-------|-----------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|----------------------------------|----------------------------------------|------------|
| 11.7  | Trần Quang Cành       |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 11.8  | Cao Thị Hào           |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 11.9  | Bùi Hoài An           |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 11.10 | Bùi Trần Bảo<br>Khánh |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 11.11 | Bùi Văn Thuận         |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |
| 11.12 | Đặng Văn Chanh        |                                                   |                                 |                                           |                 |                                  |                                        |            |